TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Z** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1447/2024/DS-ST
Ngày: 19/4/2024
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1334/2023/TLST-DS ngày 05/10/2023 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1685/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1950
Địa chỉ: 37/1 đường 882, khu phố 3, phường X, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh T, sinh năm 1977
Địa chỉ: 37/1 đường 882, khu phố 3, phường X, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị TB, sinh năm 1974
Địa chỉ: khóm 6, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Trần Thị Y trình bày:

1. Nội dung khởi kiện: Tháng 01/2019 Y bán căn nhà ở phường Tăng Nhơn Phú A, với giá 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền bán nhà, Y dùng 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu đồng) mua căn nhà tại phường X để ở chung với con trai Huỳnh Thu T (căn nhà này Y cho Huỳnh Thu T đứng tên chủ sở hữu). Do có nhu cầu đi lại, nên Y và ông T đã bàn bạc để mua xe ô tô hiệu Toyota hoặc xe Mazda để tiện việc đi lại, chở Y đi khám bệnh và để thời gian rảnh ông T chạy grap kiếm thêm thu nhập. Sau đó, Y đã đưa cho Ông Huỳnh T số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng để ông T mua xe ô tô như thỏa thuận, khi Y đưa tiền cho ông T có bà Ba chứng kiến việc giao nhận tiền giữa Y và ông T (khi giao tiền không lập giấy giao nhận tiền vì mẹ con nên Y tin tưởng ông T).

Khoảng 02 tháng sau, Y không thấy xe ô tô đâu nên Y hỏi ông T thì ông T nói rằng mua xe ô tô mất giá trị nên ông T đã sử dụng số tiền Y đưa để dùng vào việc khác, nên Y đã đòi lại số tiền bà đã đưa cho ông T. Sau đó ông T có đưa cho Y tiền lãi từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Khoảng 03 tháng sau (Y không nhớ rõ ngày tháng) ông T trả cho Y 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, ông T nói đã xây mộ cho ba ông T hết 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, tổng cộng hết 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Số tiền còn lại 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Sau khi xảy ra tranh chấp thì ông T không đưa tiền lãi cho Y nữa, Y đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng ông T không hợp tác. Nguồn tiền Y đưa cho ông T là của cá nhân Y. Nay Y yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông T trả lại số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa,

Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ kiện ông T chỉ thừa nhận đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của Y, trừ ra số tiền ông T đã trả cho Y và chi phí xây mộ thì còn lại 610.000.000 đồng nên Y đồng ý và bà chỉ yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 610.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Y rút một phần yêu cầu đòi tiền ông T là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng.

2. Bị đơn Ông Huỳnh T trình bày:

Ông Huỳnh T với Bà Trần Thị Y có mối quan hệ là mẹ con. Nay Y khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu đồng) là không đúng. Trước đây (không nhớ rõ ngày tháng năm) Y có cho ông T 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, lý do Y nói cho tiền ông T mua xe ô tô hiệu Toyota hoặc xe Mazda, khi đưa tiền chỉ có mình ông T, không có ai ở đó để làm chứng. Sau khi Y đưa tiền cho ông T thì ông T không mua xe ô tô mà ông T thấy mua xe ô tô sẽ mất giá trị sử dụng nên ông T sử

dụng số tiền Y cho để sử dụng vào mục đích khác (hàng tháng ông T đưa tiền lãi cho Y 8.000.000 đồng, thời gian sau ông T đưa cho Y 7.000.000 đồng). Tháng 5/2023 Y gửi đơn tranh chấp với ông T ở Ủy ban nhân dân phường X, từ đó đến nay ông T không đưa tiền lãi cho Y. Sau đó, Y và ông T xảy ra cãi vã nên ông T gửi lại tiền cho Y 300.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng (trong đó ông đã sử dụng xây mộ cho ba ông hết 60.000.000 đồng, 10.000.000 đồng là chi phí đi lại xây mộ, 30.000.000 đồng ông T đưa lại cho Y), nên ông T chỉ còn lại 600.000.000 đồng, số tiền này ông T đã làm ăn thua lỗ hết, hiện ông T không còn để trả cho Y, nên ông không đồng ý trả cho Y vì đây là tiền Y cho ông T chứ ông T không vay mượn của Y nên ông không có trách nhiệm trả tiền cho Y. Ngoài ra, ông T không trình bày gì thêm, không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị TB trình bày:

Bà Ba là con của Bà Trần Thị Y và bà là chị ruột của Ông Huỳnh T. Tháng 01 năm 2019, Y bán căn nhà tại phường Tăng Nhơn Phú A được 6.500.000.000 (sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Sau khi bán nhà, Y mua căn nhà tại phường X để sống chung với ông T. Y đưa cho ông T 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng) để ông T mua xe ô tô làm phương tiện đi lại, việc Y và ông T thỏa thuận như thế nào bà Ba không biết, bà chỉ thấy Y đưa tiền cho ông T 02 cọc tiền, mỗi cọc 10 xấp tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, ông T nhận tiền từ Y. Sau đó, bà Ba được biết tranh chấp giữa Y và ông T do ông T đã dùng số tiền Y đưa cho sử dụng vào mục đích khác. Nay Y yêu cầu T trả lại số tiền Y đã đưa cho ông T thì bà Ba không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, bà Ba có cùng ý kiến với Y, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt và không có yêu cầu gì. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử phần yêu cầu đòi tiền ông T 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Bà Trần Thị Y và Ông Huỳnh T phát sinh từ quan hệ dân sự về đòi tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là Ông Huỳnh T trả số tiền mà Y đã đưa cho ông T mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm trả nợ của người nào khác.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cùng lời khai của bị đơn tại Bản tự khai ngày 21/11/20023, Biên bản làm việc ngày 21/11/2023, Biên bản hòa giải ngày 06/3/2024. Xét, các tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn do Tòa án thu thập và tại phiên tòa của ông T thì ông T đã thừa nhận, đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng từ Y nhưng ông T không mua xe ô tô như đã thỏa thuận với Y, ông T không dùng số tiền trên để mua xe ô tô vì ông T thấy mua xe ô tô sẽ mất giá trị sử dụng nên ông T đã dùng số tiền Y đưa cho sử dụng vào mục đích khác, hàng tháng ông T đã đưa tiền lãi cho Y từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Sau khi xảy ra tranh chấp thì ông T trả lại cho Y 300.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng ông T xây mộ cho ba ông T là 60.000.000 đồng, 30.000.000 đồng ông T đưa lại cho Y, nên ông T chỉ còn lại 610.000.000 đồng, số tiền này ông T đã làm ăn thua lỗ hết, hiện ông T không còn tiền để trả lại cho Y, nên ông T không đồng ý trả cho Y vì đây là tiền Y cho ông T. Căn cứ vào lời khai của Y và lời thừa nhận của ông T đã nhận tiền của Y đưa cho ông T và hàng tháng ông T đã trả tiền lãi cho Y căn cứ theo Điều 6, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Y.

Ý kiến của bị đơn Ông Huỳnh T về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu gì khác, nên HĐXX không xem xét gì thêm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị TB đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, bà không cung cấp gì thêm, không có ý kiến, không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét gì thêm.

Xét, tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 6; Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158; Điều 166; Điều 274; Điều 351; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Y về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với Ông Huỳnh T.

Buộc Ông Huỳnh T trả cho Bà Trần Thị Y số tiền 610.000.000 (sáu trăm mười triệu) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Y đối với Ông Huỳnh T về việc yêu cầu đòi tài sản là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 28.400.000 (hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn) đồng buộc Ông Huỳnh T chịu.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Z;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Z;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Loan